

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,005.41	109.82	56.77
% ngày	0.41%	0.25%	0.35%
% tuần	1.10%	1.24%	1.27%
% tháng	6.36%	3.13%	1.74%
% năm	-11.29%	-15.30%	-7.31%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,926	950	405
TB 1 tuần	4,360	712	345
TB 1 tháng	4,549	608	334
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	730.40	10.90	50.13
Bán	605.07	18.44	67.97
Giá trị ròng	125.32	-7.55	-17.84
Độ rộng TT			
Mã Tăng	168	80	164
Mã Giảm	127	81	116
Không Đổi	90	221	575
Chỉ số chính			
P/E	17.02	10.23	17.16
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,285	204	994
LS Cổ tức	2.93%	4.04%	4.64%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau nhiều phiên tăng điểm thì các thị trường khu vực Châu Á phải đối mặt với áp lực điều chỉnh. Những thị trường lớn bị giảm điểm trong phiên như Nhật Bản, Trung Quốc, Hongkong, Hàn Quốc và Singapore. Tuy nhiên ở chiều ngược Thái Lan, Malay, Việt Nam vẫn giữ chỉ số tăng nhẹ trong phiên.

Phiên giao dịch hôm nay khá hưng phấn khi cả 3 sàn đóng cửa trong sắc xanh, nhất là chỉ số VN-Index tiếp tục duy trì được ngưỡng 1,000 điểm suốt phiên. Lực đẩy của nhóm cổ phiếu Vingroup kết hợp với dòng ngân hàng và 1 số mã bluechips đã giúp chỉ số VN-Index tăng lên 1,005.41 điểm. Chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng 0.27 điểm lên 109.82, Chỉ số UPCOM-Index tăng 0.19 điểm lên 56.77. Giá trị giao dịch cả 2 sàn là hơn 1,355 tỷ đồng.

Thanh khoản tiếp tục ở mức cao, dòng tiền đổ vào HSX đạt hơn 4,900 tỷ đồng tạo tín hiệu tích cực cho nhà đầu tư và chỉ số VN-Index có thể tiếp tục giữ được mức 1000 điểm trong phiên ngày mai. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch: Bluechips có SAB tăng mạnh 3 điểm, PNJ tăng 2.1 điểm, cổ phiếu nhà Vin có VHM tăng 1.7 điểm, VRE tăng 1.1 điểm, Ngân hàng có VIB, VPB và ACB cùng tăng 0.5 điểm. Nhóm cổ phiếu chứng khoán như HCM, VND, SSI cũng tăng đáng kể trong phiên hôm nay.

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục là điểm sáng cho thị trường khi tiếp tục mua ròng trên HSX hơn 128 tỷ đồng. Sức nóng đổ về VRE, E1VFN30 và nhóm ngân hàng với CTG, BID, VCB là những mã được khối ngoại mua nhiều nhất. Hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài dường như đang gần giống với nhà đầu tư trong nước khi họ tiếp tục mua những cổ phiếu thuộc dòng bluechips như CTD, SSI, SAB, MSN. Trong khi trên sàn HNX và UPCOM hôm nay bị khối ngoại bán ròng 25.35 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh nhẹ và kiểm định lại mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index trong phiên giao dịch kế tiếp. Đồng thời, áp lực chốt lời trên nhóm cổ phiếu Midcaps có chiều hướng tăng dần và chúng tôi đánh giá dòng tiền này sẽ dịch chuyển qua nhóm cổ phiếu Largecaps trong những phiên tới cho nên mức độ phân hóa sẽ diễn ra giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ và giao dịch trong vùng 70 – 80% cho nên cơ hội tìm kiếm lợi nhuận phụ thuộc vào việc lựa chọn cổ phiếu trong giai đoạn này.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 972.75 điểm của chỉ số VN-Index và 106.49 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu Largecaps. Đồng thời, các nhà đầu tư nên cơ cấu lại danh mục khi mức độ phân hóa sẽ diễn ra trong ngắn hạn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 71% cổ phiếu/29% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,200	GIẢM	GIẢM		17,053				16,605		
ACB	31,400	TĂNG	GIẢM	30,200	29,599	3.97%			33,291		
ACV	86,500	GIẢM	TĂNG	88,300	86,517	-2.02%	BÁN	90,000	79,485	-3.89%	
ANV	27,650	GIẢM	GIẢM	27,200	27,677	1.75%	BÁN		31,024		
ASM	8,490	TĂNG	GIẢM	8,690	8,241	-2.30%			9,351		
BFC	22,600	TĂNG	GIẢM	22,600	22,428	0.00%	MUA		24,499		
BID	35,600	TĂNG	TĂNG	34,600	33,263	2.89%		33,400	29,888	6.59%	
BMP	53,100	TĂNG	GIẢM	50,800	51,474	4.53%			54,542		
BSR	13,900	TĂNG	GIẢM	13,100	13,766	6.11%			15,250		
BVH	96,000	TĂNG	TĂNG	94,400	93,088	1.69%		86,000	88,082	11.63%	
BWE	26,000	TĂNG	TĂNG	25,700	24,743	1.17%		20,000	22,133	30.00%	
CEO	13,500	TĂNG	GIẢM	13,500	13,440	0.00%			14,755		
CHP	22,800	GIẢM	TĂNG		23,282			23,000	20,825	-0.87%	
CII	24,700	TĂNG	GIẢM	24,550	22,663	0.61%			25,832		
CMX	19,250	TĂNG	TĂNG	17,600	18,110	9.38%		5,910	13,022	225.72%	
CSM	15,650	TĂNG	TĂNG	15,600	14,545	0.32%		14,390	13,911	8.75%	
CTD	142,000	TĂNG	GIẢM	141,100	134,456	0.64%			152,115		
CTG	22,550	TĂNG	TĂNG	19,550	20,500	15.35%			22,209		
CTI	25,200	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-2.70%		26,850	23,186	-6.15%	
CVT	24,900	TĂNG	TĂNG	19,900	24,059	25.13%		22,550	19,811	10.42%	
DCM	9,200	TĂNG	GIẢM	9,200	8,998	0.00%			9,978		
DGC	43,000	TĂNG	GIẢM	44,000	42,732	-2.27%			47,020		
DGW	22,800	GIẢM	GIẢM		23,670				25,127		
DHA	35,400	TĂNG	TĂNG	32,250	32,547	9.77%		29,100	29,132	21.65%	
DHC	33,800	TĂNG	TĂNG	32,700	32,821	3.36%		35,200	29,262	-3.98%	
DHG	117,000	TĂNG	TĂNG	77,500	112,474	50.97%		93,000	97,488	25.81%	
DIG	16,200	TĂNG	TĂNG	16,000	15,924	1.25%		16,250	15,822	-0.31%	MUA
DPG	50,500	TĂNG	GIẢM	46,800	46,286	7.91%			52,441		
DPM	20,500	GIẢM	TĂNG		21,366			19,400	19,804	5.67%	
DPR	42,400	TĂNG	TĂNG	32,600	39,779	30.06%		35,950	36,910	17.94%	
DQC	28,600	TĂNG	TĂNG	27,700	28,063	3.25%		31,000	26,186	-7.74%	
DRC	23,950	TĂNG	GIẢM	22,200	22,083	7.88%			24,379		
DXG	24,500	GIẢM	GIẢM		25,896				26,665		
EIB	17,800	TĂNG	TĂNG	17,800	16,435	0.00%		14,700	16,280	21.09%	
FCN	15,600	TĂNG	GIẢM	13,900	14,955	12.23%			15,658		
FMC	29,100	GIẢM	TĂNG		30,283			24,700	27,888	17.81%	
FPT	46,200	TĂNG	TĂNG	46,500	44,157	-0.65%			45,324		
GAS	101,600	TĂNG	TĂNG	89,900	99,573	13.01%		101,000	100,384	0.59%	MUA
GEX	23,450	GIẢM	TĂNG		24,227			24,700	21,615	-5.06%	
GIL	38,900	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	-0.26%	

We Create Fortune

GMD	28,150	TĂNG	GIẢM	27,500	27,122	2.36%			29,123		
GTN	16,000	TĂNG	TĂNG	10,400	15,209	53.85%		15,000	10,911	6.67%	
HAG	5,800	TĂNG	TĂNG	5,080	5,756	14.17%		5,650	4,877	2.65%	
HAX	18,200	TĂNG	TĂNG	17,200	16,485	5.81%			17,965		
HBC	20,450	TĂNG	TĂNG	16,800	19,873	21.73%		20,250	15,815	0.99%	
HCM	31,000	TĂNG	TĂNG	31,000	30,926	0.00%	MUA	28,000	24,735	10.71%	
HDB	31,000	TĂNG	GIẢM	31,000	29,679	0.00%			33,267		
HDC	15,700	TĂNG	TĂNG	15,300	15,236	2.61%			14,709		
HDG	41,900	TĂNG	TĂNG	35,950	39,574	16.55%		37,400	33,787	12.03%	
HNG	15,100	GIẢM	GIẢM		16,242				16,554		
HPG	34,350	TĂNG	TĂNG	29,500	33,352	16.44%		33,900	29,668	1.33%	
HSG	9,200	TĂNG	TĂNG	6,860	9,192	34.11%		9,300	6,859	-1.08%	
HT1	15,700	TĂNG	TĂNG	14,150	15,490	10.95%		14,800	13,681	6.08%	
HUT	3,900	TĂNG	GIẢM	3,800	3,870	2.63%			4,302		
HVN	40,800	TĂNG	TĂNG	42,900	40,015	-4.90%		39,000	34,635	4.62%	
KBC	15,350	TĂNG	TĂNG	14,250	14,763	7.72%		13,450	13,061	14.13%	
KDH	31,200	GIẢM	TĂNG		31,751			33,000	28,436	-5.45%	
KSB	29,650	TĂNG	TĂNG	26,300	28,335	12.74%		28,900	23,712	2.60%	
LCG	10,300	TĂNG	TĂNG	8,230	10,137	25.15%		9,200	8,391	11.96%	
LDG	14,300	TĂNG	GIẢM	14,950	13,862	-4.35%			16,826		
LHG	22,000	TĂNG	TĂNG	20,550	21,249	7.06%			20,947		
LPB	9,400	TĂNG	GIẢM	9,100	8,826	3.30%			9,825		
LSS	6,060	GIẢM	GIẢM		6,257				7,068		
MBB	22,600	TĂNG	TĂNG	22,550	21,369	0.22%		21,850	19,807	3.43%	
MPC	44,000	GIẢM	TĂNG		47,052			47,500	39,995	-7.37%	
MSN	89,000	TĂNG	TĂNG	82,300	87,131	8.14%		89,000	79,754	0.00%	
MSR	21,200	TĂNG	TĂNG	20,900	18,758	1.44%			20,804		
MWG	89,400	GIẢM	GIẢM		89,775				92,376		
NDN	14,300	TĂNG	TĂNG	12,500	13,156	14.40%			13,356		
NKG	7,300	GIẢM	GIẢM		7,882				7,821		
NLG	26,900	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	3.07%			28,488		
NT2	29,200	GIẢM	TĂNG		29,659			25,900	26,915	12.74%	
NTL	17,400	GIẢM	TĂNG		18,868			10,450	16,285	66.51%	
NVL	61,200	TĂNG	GIẢM	62,500	58,012	-2.08%			63,950		
OIL	14,500	GIẢM	GIẢM		15,047				16,188		
PAC	39,000	TĂNG	GIẢM	38,000	37,250	2.63%			40,367		
PC1	23,750	GIẢM	GIẢM		24,531				25,195		
PDR	28,500	TĂNG	TĂNG	26,150	26,371	8.99%			27,684		
PHR	49,900	TĂNG	TĂNG	29,300	46,070	70.31%		24,000	37,920	107.92%	
PLX	61,800	TĂNG	TĂNG	60,400	58,572	2.32%			60,986		
PNJ	102,000	TĂNG	TĂNG	102,000	101,001	0.00%	MUA		101,983		
POW	16,500	GIẢM	TĂNG		17,085			16,550	14,933	-0.30%	
PPC	25,600	TĂNG	TĂNG	18,550	22,948	38.01%		19,700	21,317	29.95%	
PTB	63,900	TĂNG	TĂNG	60,200	61,742	6.15%		64,000	56,808	-0.16%	
PVD	18,500	TĂNG	TĂNG	15,500	17,877	19.35%		18,500	17,923	0.00%	MUA
PVI	35,200	TĂNG	TĂNG	32,900	34,101	6.99%		33,000	30,966	6.67%	

We Create Fortune

PVS	21,400	TĂNG	TĂNG	18,900	20,848	13.23%		21,100	17,746	1.42%	
PXS	4,650	TĂNG	GIẢM	4,280	4,565	8.64%			4,840		
QNS	44,600	TĂNG	TĂNG	44,500	42,698	0.22%		41,500	3,507	7.47%	
REE	34,500	TĂNG	TĂNG	34,500	33,069	0.00%		35,100	30,697	-1.71%	
SAB	255,000	TĂNG	TĂNG	252,000	239,300	1.19%		245,000	227,704	4.08%	
SAM	7,500	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	5.78%		7,400	6,782	1.35%	
SCR	7,660	GIẢM	GIẢM		7,918				8,128		
SHI	8,140	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	18.83%		6,990	7,199	16.45%	
SJS	21,850	TĂNG	TĂNG	18,800	20,789	16.22%		18,100	18,742	20.72%	
SKG	15,300	TĂNG	GIẢM	15,400	14,746	-0.65%			17,149		
SSI	29,400	TĂNG	TĂNG	26,900	27,783	9.29%			29,029		
STB	12,800	GIẢM	TĂNG		13,075			13,000	11,486	-1.54%	
TCB	27,150	GIẢM	GIẢM		27,296				N/A		
TCM	32,950	TĂNG	TĂNG	24,350	31,318	35.32%		28,000	25,587	17.68%	
TDH	11,750	TĂNG	TĂNG	10,300	11,327	14.08%		11,650	9,685	0.86%	
TLH	5,390	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	7.80%			5,686		
TNG	23,800	TĂNG	TĂNG	18,000	21,804	32.22%		12,000	16,238	98.33%	
VCB	65,200	TĂNG	TĂNG	64,800	61,117	0.62%		62,000	56,207	5.16%	
VCG	28,400	TĂNG	TĂNG	25,100	26,987	13.15%		19,200	22,974	47.92%	
VFG	38,000	GIẢM	TĂNG		38,487			34,394	34,815	10.49%	
VGC	21,600	TĂNG	TĂNG	16,300	20,558	32.52%		19,100	18,360	13.09%	
VGT	12,500	TĂNG	GIẢM	11,600	11,884	7.76%			13,091		
VHC	93,300	GIẢM	GIẢM		97,716				105,200		
VHM	94,000	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	79,248	17.50%	
VIB	19,800	TĂNG	TĂNG	18,000	18,407	10.00%			19,666		
VIC	117,500	TĂNG	TĂNG	109,100	115,164	7.70%		112,000	104,016	4.91%	
VIP	7,470	TĂNG	TĂNG	7,000	7,331	6.71%		7,350	6,867	1.63%	
VJC	119,800	GIẢM	GIẢM		123,327				130,367		
VND	18,400	TĂNG	GIẢM	16,800	17,063	9.52%			18,694		
VNG	22,900	TĂNG	TĂNG	18,301	22,113	25.13%		16,008	20,392	43.06%	
VNM	138,300	GIẢM	TĂNG		143,842			140,200	132,859	-1.36%	
VPB	22,000	TĂNG	GIẢM	20,200	20,577	8.91%			22,887		
VPI	41,500	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	18,000	TĂNG	GIẢM	18,400	17,325	-2.17%			19,388		
VRE	37,800	TĂNG	TĂNG	30,400	34,075	24.34%		35,000	29,425	8.00%	
VSC	43,900	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	2.81%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,005.41	0.41%
VN30	935.41	0.60%
VN Mid	1,024.43	-0.03%
VN Small	835.53	0.43%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	109.82	0.25%
HN30	201.08	-0.45%
VNX AllSh	908.26	0.48%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.77	0.35%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	730.40	
Bán	605.07	
GT rỗng	125.32	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.90	
Bán	18.44	
GT rỗng	-7.55	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	50.13	
Bán	67.97	
GT rỗng	-17.84	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	1150	6.97%
TRC	1650	6.93%
CSV	2000	6.84%
HAX	1150	6.74%
FTM	1150	6.59%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBS	1000	6.58%
SHS	400	3.45%
NVB	200	2.35%
L14	900	2.21%
SHN	200	2.17%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDC	1100	5.31%
MSR	1000	4.95%
C4G	300	3.75%
VEA	1600	3.25%
VIB	500	2.59%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-10300	-6.98%
LCG	-500	-4.63%
BTP	-650	-4.30%
DQC	-1200	-4.03%
GMC	-2000	-3.96%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGS	-800	-6.30%
HUT	-200	-4.88%
DGC	-1300	-2.93%
SHB	-200	-2.47%
VCG	-400	-1.39%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	-200	-1.57%
BSR	-200	-1.42%
VGI	-300	-1.29%
MPC	-500	-1.12%
ACV	-700	-0.80%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	378,526	
VHM	309,160	
VNM	242,056	
VCB	240,335	
GAS	195,032	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,537	
VCG	12,721	
VCS	10,427	
PVS	10,324	
VGC	9,774	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	189,863	
VEA	65,519	
MCH	61,189	
HVN	58,312	
VGI	51,978	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
CTG	14,616,340	6,680,876
FLC	11,047,490	10,457,881
SCR	10,377,179	2,632,759
TCB	7,701,600	3,629,962
STB	6,154,040	4,655,875

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VGS	17,700,600	221,839
SHB	16,500,175	8,071,896
ACB	5,473,466	2,543,118
HUT	2,724,134	2,324,369
SHS	2,224,692	1,053,094

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,996,040	1,879,134
VIB	2,133,398	468,041
LPB	1,484,590	1,102,265
VEA	1,366,510	500,592
HVN	1,124,763	1,084,305

Nguồn: Bloomberg & YSVN

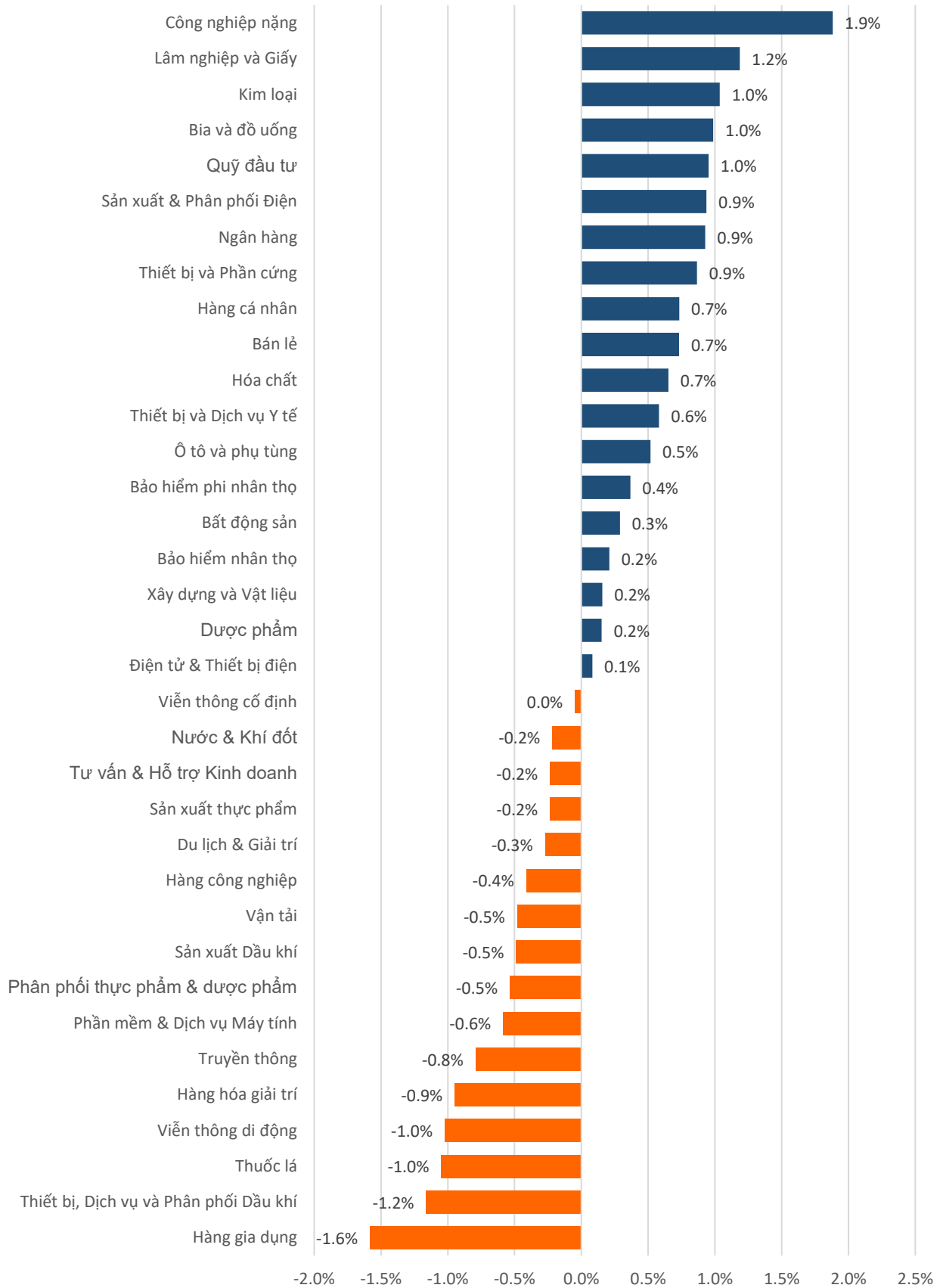
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



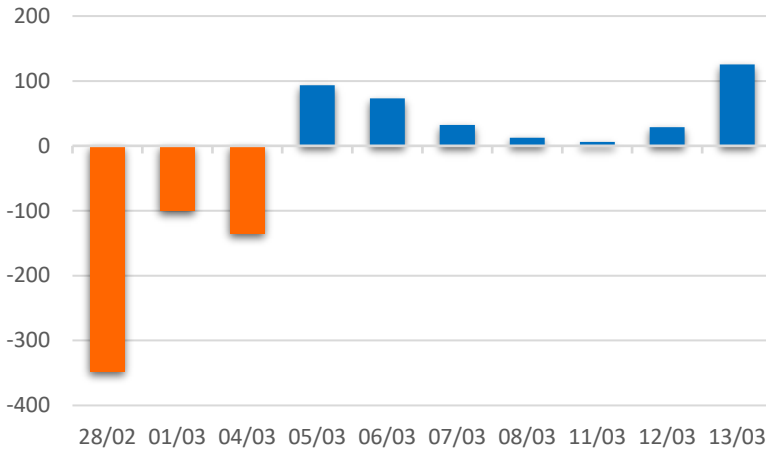
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

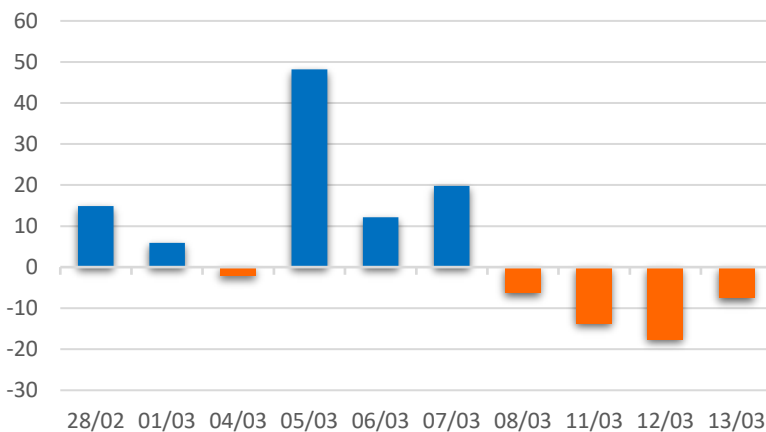
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	61,691	HBC	56,487
E1VFN30	40,577	VNM	38,141
CTG	39,497	VJC	27,095
BID	33,732	VIC	19,945
VCB	29,732	IMP	15,131

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

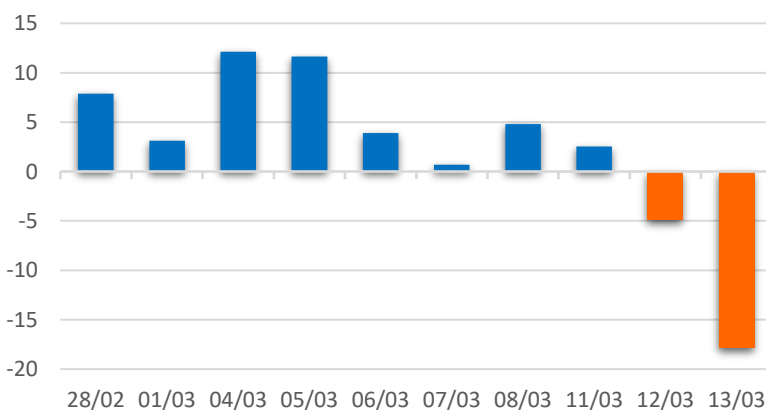
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	4,437	BCC	3,863
DGC	332	PVS	2,769
HHP	259	VGC	1,585
ART	115	SHS	1,526
DHT	111	THB	1,237

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	12,883	VEA	17,106
ACV	1,450	BSR	10,829
IDC	566	VTP	1,102
TVH	130	HVN	997
SIV	120	LTG	852

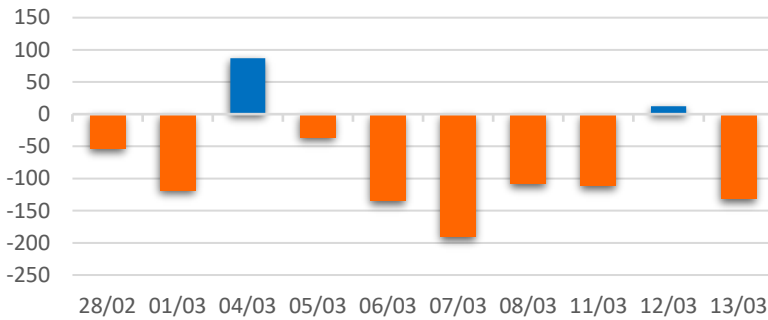
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

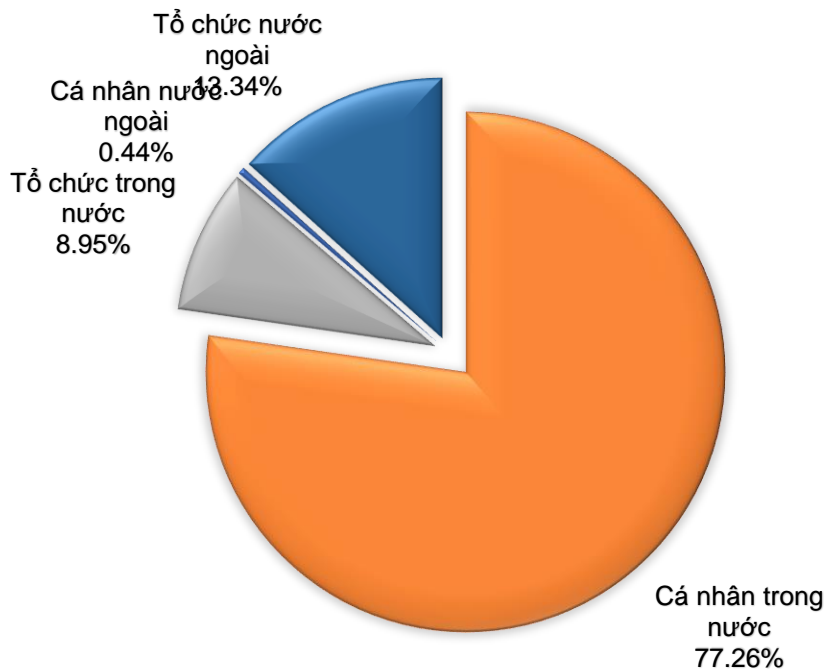
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
IMP	11,856	VHM	85,757
STB	7,328	E1VFN30	42,067
REE	6,746	EIB	17,967
VHM	6,510	HPG	14,965
MBB	5,144	TCB	13,029

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

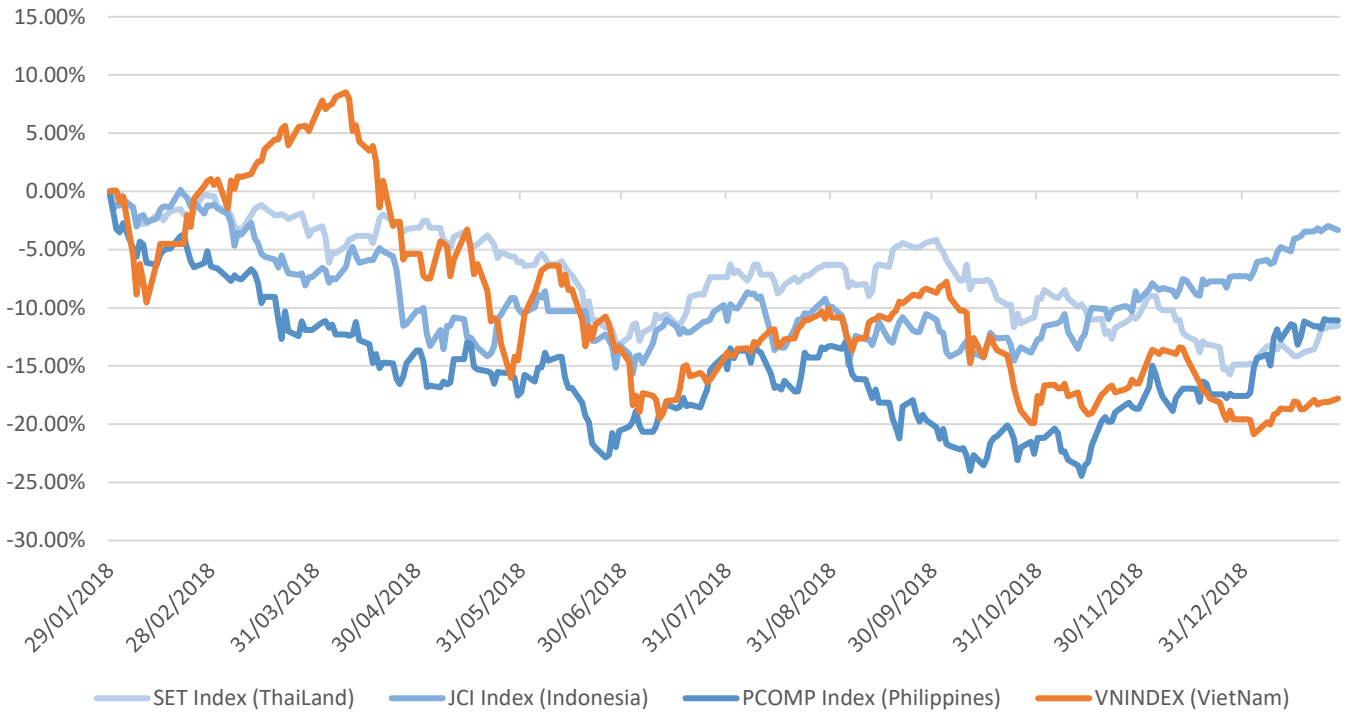


Nguồn: FinPro – YSVN



We Create Fortune

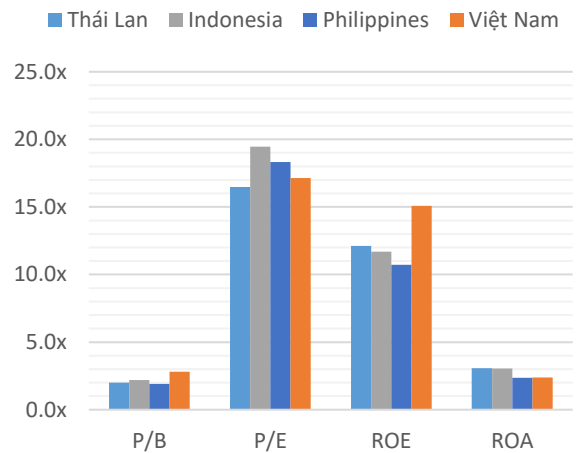
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written